

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 – 4 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến Ly

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Quốc Bảo
2. Ông Trần Thanh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết K, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết K trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện sống chung từ năm 2014, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/09/2022. Chị và anh V đã ly thân từ khoảng tháng 5/2023

đến nay do vợ chồng sống chung không hợp nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có hai người con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 08/9/2015, hiện đang sống với anh V và Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2020, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn T và yêu cầu giao con chung là Nguyễn Văn S cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị K được ly hôn với anh V.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 08/9/2015 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2020 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Chị K và anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V, anh V đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị K và anh V là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị K và anh V tự nguyện sống chung từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị K và anh V là hôn nhân

hợp pháp, tuy nhiên chị K và anh V đã ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị K và anh V không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh V không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị K, như vậy anh V đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị K và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị K được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do chị K cung cấp và lời khai của chị K thì chị K và anh V có hai người con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 08/9/2015, hiện đang sống với anh V và Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2020, hiện đang sống với chị K. Khi ly hôn chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn T và yêu cầu giao con chung là Nguyễn Văn S cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, anh V đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu giải quyết nuôi con chung khi ly hôn của chị K nhưng anh V không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị K. Mặt khác, cháu T sống cùng với chị K, còn cháu S sống cùng với anh V từ khi ly thân đến nay, hiện nay cháu S và cháu T phát triển tốt, nên để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu S và cháu T, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị K: Giao cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 08/9/2015 cho anh V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2020 cho chị K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị K và anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh V không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Tuyết K ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 08/9/2015 cho anh Nguyễn Văn V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2020 cho chị Trần Thị Tuyết K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị Tuyết K và anh Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị K đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006641 ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí. Anh Nguyễn Văn V không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yên Ly**